

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence-Freedom-Happiness

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO  
UNDERGRADUATE PROGRAMME**

(Kèm theo Quyết định số 3764/QĐ-ĐHM ngày 21 tháng 12 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh  
Issued together with Decision No 3764/QĐ-ĐHM dated 21 month 12 year 2023  
by the Rector of Ho Chi Minh City Open University)

**I. Thông tin tổng quát-General information**

1. Tên ngành đào tạo bằng tiếng Việt/Major in Vietnamese: **Luật Kinh tế**
2. Tên ngành đào tạo bằng tiếng Anh/Major in English: Business Law
3. Mã ngành/Major Code: **7380107**
4. Trình độ đào tạo/Level of training: Đại học-Undergraduate
5. Hình thức đào tạo/Mode of training: Chính quy-Full time
6. Thời gian đào tạo /Duration of training: 4 năm
  - Thời gian đào tạo chuẩn: 11 học kỳ
  - Thời gian học tập tối thiểu: 09 học kỳ
  - Thời gian học tập tối đa: 22 học kỳ
7. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tổng số tín chỉ)/Total credits: 142 tín chỉ (chưa bao gồm tín chỉ khối kiến thức GDQPAN và GDTC)
8. Văn bằng tốt nghiệp/Name of degree: Cử nhân
1. Ngôn ngữ đào tạo/Language(s) of instruction: Tiếng Việt – Tiếng Anh

**II. Mục tiêu đào tạo/Programme Objectives**

**1. Mục tiêu chung (General objectives)**

Chương trình đào tạo được xây dựng theo định hướng *ứng dụng* với mục tiêu đào tạo Cử nhân ngành Luật kinh tế có phẩm chất chính trị và ý thức trách nhiệm đối với xã hội, kiến thức và năng lực chuyên môn trong ngành Luật kinh tế để phát triển nghề nghiệp và

bản thân trong bối cảnh hội nhập và phát triển của đất nước, đáp ứng yêu cầu của nhà sử dụng lao động.

## 2. Mục tiêu cụ thể (Specific objectives)


Mục tiêu cụ thể (Specific objectives)	Mô tả (Description)
<b>Kiến thức (Knowledge)</b>	
PO.1	Trang bị kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội và con người để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân.
PO.2	Cung cấp kiến thức lý thuyết và thực tiễn thuộc ngành Luật kinh tế để giải quyết các vấn đề chuyên môn.
<b>Kỹ năng (Skills)</b>	
PO.3	Giúp người học phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết thuộc ngành Luật kinh tế để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm (Autonomy and Accountability)</b>	
PO.4	Đào tạo năng lực làm việc độc lập và theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành Luật kinh tế và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.
PO.5	Xây dựng ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật, ý thức trách nhiệm với cộng đồng, ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp.

## III. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp/Job positions after graduation

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các vị trí việc làm sau:

**1. Vị trí việc làm 1:** Chuyên viên pháp chế trong các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tổ chức kinh tế, ở các phòng pháp chế, nhân sự, Ban thư ký lãnh đạo doanh nghiệp.

**2. Vị trí việc làm 2:** Chuyên viên pháp lý, thư ký nghiệp vụ, trợ lý cho luật sư tại các Công ty Luật, Văn phòng Luật sư, Văn phòng Công chứng, Văn phòng Thừa phát lại, Trung tâm bán đấu giá tài sản, Trung tâm hòa giải, Trọng tài thương mại, Trợ giúp pháp lý, Chuyên viên tư vấn ở các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

**3. Vị trí việc làm 3:** Thư ký, Thẩm tra viên trong Tòa án, Cơ quan Thi hành án dân sự; Chuyên viên, Kiểm tra viên trong Viện kiểm sát nhân dân, Công tác pháp luật trong cơ quan Công an nhân dân. 

**4. Vị trí việc làm 4:** Chuyên viên pháp chế tại các bộ phận: nhân sự, hành chính, tổng hợp, chính sách, tuyên truyền pháp luật, thư ký lãnh đạo ở các cơ quan: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở, phòng, ban các cấp.

**5. Vị trí việc làm 5:** Chuyên viên pháp lý trong tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức xã hội, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ (NGOs).

**6. Vị trí việc làm 6:** Công tác nghiên cứu, báo cáo viên pháp luật trong các cơ sở đào tạo, đơn vị sự nghiệp về lĩnh vực pháp luật, tư vấn hoạch định chính sách công.

**7. Vị trí việc làm 7:** Cơ hội nâng cao nghề nghiệp sau khi đáp ứng một số quy định của nhà nước về tiêu chuẩn, điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề hay bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp:

- **Luật sư:** tham gia khóa đào tạo nghề luật sư, trải qua thời gian tập sự hành nghề luật sư, đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự để cấp chứng chỉ hành nghề Luật sư.

- **Thẩm phán:** có thời gian công tác thực tiễn theo quy định, tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ xét xử, trải qua kỳ thi tuyển chọn để bổ nhiệm Thẩm phán.

- **Kiểm sát viên:** có thời gian công tác thực tiễn theo quy định, tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ kiểm sát, có năng lực thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, trải qua kỳ thi tuyển chọn để bổ nhiệm làm Kiểm sát viên.

- **Chấp hành viên:** có thời gian công tác thực tiễn, tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ thi hành án dân sự, đạt kết quả kỳ thi tuyển chọn để bổ nhiệm Chấp hành viên.

- **Công chứng viên, Thừa phát lại, Đấu giá viên:** tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, có thời gian công tác thực tiễn, đạt kết quả tập sự hành nghề để cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định.

- **Công tác giảng dạy pháp luật:** sau khi tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, có thời gian công tác thực tiễn theo quy định.

#### IV. Chuẩn đầu ra – Programme learning outcomes (PLOs)

Chuẩn đầu ra/ PLO Code	Mô tả/Description
<b>Kiến thức/Knowledge</b>	
PLO1	Thể hiện hiểu biết các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội để làm nền tảng phát triển tư duy phân biện.

<b>Chuẩn đầu ra/ PLO Code</b>	<b>Mô tả/Description</b>
PLO2	Hình thành thế giới quan, nhân sinh quan thông qua việc vận dụng những quan điểm khoa học về tính cách mạng, tính nhân văn của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối chính sách của Đảng trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng, đổi mới đất nước.
PLO3	Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực cơ sở ngành luật nhằm giải quyết các các vấn đề chuyên môn nền tảng của ngành Luật kinh tế.
PLO4	Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực ngành Luật kinh tế trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc bằng ngôn ngữ tiếng Anh trong một số lĩnh vực pháp luật.
PLO5	Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực chuyên ngành Luật kinh tế trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc bằng ngôn ngữ tiếng Anh trong một số lĩnh vực pháp luật.
PLO6	Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực hỗ trợ cho ngành Luật kinh tế trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn.
<b>Kỹ năng/Skills</b>	
PLO7	Thể hiện được khả năng tư duy hệ thống và phân biện.
PLO8	Thực hiện được việc nhận dạng và giải quyết vấn đề.
PLO9	Có kỹ năng giao tiếp nói và viết, ngôn ngữ và phi ngôn ngữ hiệu quả và làm việc trong môi trường hội nhập.
PLO10	Có khả năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn.
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm/Autonomy and Accountability</b>	
PLO11	Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.
PLO12	Có năng lực tổ chức thực hiện công việc và học hỏi phát triển bản thân.
PLO13	Có ý thức tuân thủ pháp luật, có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

## **V. Đối tượng tuyển sinh, điều kiện nhập học/Admission criteria and policies**

### **1. Đối tượng tuyển sinh/Candidates for admission**


Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

### **2. Điều kiện nhập học/Admission criteria**

Thực hiện theo quy định, điều kiện nhập học hàng năm của Trường.

## **VI. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp/Delivery of the programme and graduation criteria**

### **1. Quy trình đào tạo/Delivery of the programme**

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hình thức đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. 

## 2. Điều kiện tốt nghiệp/Graduation criteria

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Tích lũy đủ số môn học, số tín chỉ tối thiểu và đạt các yêu cầu khác về chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 (theo thang điểm 4) trở lên.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh và hoàn thành môn học Giáo dục thể chất.
- Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học.

## VII. Cách thức đánh giá/Student assessment

Chương trình sử dụng thang điểm 10 để đánh giá môn học, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo đại học hình thức đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

## VIII. Nội dung chương trình/Programme contents

### 1. Cấu trúc chương trình – Curriculum structure

STT No.	Cấu trúc CTĐT/ Curriculum structure	Số tín chỉ/Number of credits			Tỷ lệ/ Ratio
		Tổng số/ Total	Bắt buộc/ Compulsory	Tự chọn/ Optional	
<b>1.</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>56</b>	<b>41</b>	<b>15</b>	<b>39.4%</b>
1.1.	<i>Lý luận chính trị</i>	11	11	0	
1.2.	<i>Kiến thức kinh tế, luật và khoa học xã hội – nhân văn</i>	6	0	6	
1.3.	<i>Kiến thức toán, tin học và khoa học tự nhiên</i>	9	0	9	
1.4.	<i>Ngoại ngữ</i>	30	30	0	
<b>2.</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>86</b>	<b>64</b>	<b>22</b>	<b>60.6%</b>
2.1.	<i>Kiến thức cơ sở (khối ngành, nhóm ngành, ngành)</i>	20	20	0	
2.2.	<i>Kiến thức ngành</i>	23	21	2	
2.3.	<i>Kiến thức chuyên ngành (nếu có)</i>	27	19	8	
2.4.	<i>Kiến thức bổ trợ</i>	6	0	6	
2.5.	<i>Tốt nghiệp</i>	10	4	6	

STT No.	Cấu trúc CTĐT/ Curriculum structure		Số tín chỉ/Number of credits			Tỷ lệ/ Ratio
			Tổng số/ Total	Bắt buộc/ Compulsory	Tự chọn/ Optional	
	2.5.1	Thực tập tốt nghiệp	4	4	0	
	2.5.2	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	
		Môn thay thế				
<b>Tổng cộng</b>			<b>142</b>	<b>109</b>	<b>33</b>	<b>100%</b>

## 2. Khối lượng giảng dạy trực tuyến/Online mode of delivery

STT/ No.	Môn học giảng dạy theo phương thức trực tuyến/kết hợp Course with blended learning	Mã môn học/ Course Code	Tổng số/ Total	Khối lượng giảng dạy trực tuyến/ Online	Tỷ lệ giảng dạy trực tuyến/ Ratio
			Giờ/ Credit hours	Giờ/Credit hours	%
1.	Triết học Mác – Lênin	POLI1304	45	13.5	30%
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	POLI1205	30	9	30%
3.	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	POLI1206	30	9	30%
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI1207	30	9	30%
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI1208	37.5	9	24%
6.	<i>Môn toán và logic học, tự chọn 1:</i>				
	Tư duy phản biện	BLAW6303	45	9	20%
7.	<i>Môn khoa học tự nhiên và môi trường, tự chọn 2:</i>				
	Con người và môi trường	BIOT6335	45	10	22%
	<i>Môn pháp luật, tự chọn 3:</i>				
8.	Lý luận nhà nước và pháp luật	BLAW6301	45	10	22%
9.	Pháp luật đại cương	GLAW6301	45	10	22%
10.	Môn tin học:				
	Tin học văn phòng nâng cao	COMP6303	60	15	25%
11.	Luật dân sự 1	BLAW6328	45	10	22%
12.	Luật dân sự 2	BLAW6329	45	10	22%
13.	Luật Hiến pháp	BLAW6325	45	10	22%
14.	Pháp luật về hoạt động thương mại (Tiếng Anh)	BLAW5315	45	10	22%
15.	Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý	BLAW6224	30	9	30%

STT/ No.	Môn học giảng dạy theo phương thức trực tuyến/kết hợp Course with blended learning	Mã môn học/ Course Code	Tổng số/ Total	Khối lượng giảng dạy trực tuyến/ Online	Tỷ lệ giảng dạy trực tuyến/ Ratio
			Giờ/ Credit hours	Giờ/Credit hours	%
16.	Luật sở hữu trí tuệ	BLAW6344	45	10	22%
17.	Luật tố tụng dân sự	BLAW6339	45	10	22%
18.	<i>Môn kiến thức ngành, tự chọn</i>				
	Luật hôn nhân và gia đình	BLAW6204	30	5	17%
19.	<i>Môn kiến thức chuyên ngành, tự chọn 1</i>				
	Luật Thương mại điện tử	BLAW6212	30	9	30%
20.	<i>Môn kiến thức chuyên ngành, tự chọn 2</i>				
	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng (Tiếng Anh)	BLAW5304	45	10	22%
23.	<i>Môn kiến thức chuyên ngành, tự chọn 3</i>				
	Pháp luật cộng đồng ASEAN	GLAW6305	45	10	22%
24.	<i>Môn kiến thức bổ trợ, tự chọn 1</i>				
	Nguyên lý kế toán (tiếng Anh)	ACCO5336	45	6	13%
<b>Tổng cộng/Total</b>		<b>X</b>	<b>X</b>	<b>211,5</b>	<b>X</b>
<b>Khối lượng CTĐT/Total of credits for the entire curriculum</b>		<b>X</b>	<b>2272.5</b>	<b>211,5</b>	<b>9,3%</b>

### 3. Nội dung chương trình-Programme contents

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
<b>1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>54.5</b>	<b>1.5</b>	
<i>a)</i>	<i>Lý luận chính trị</i>		<i>10.5</i>	<i>0.5</i>	
1	Triết học Mác - Lênin Marxist – Leninist philosophy	POLI1304	3		
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Marxist – Leninist Political Economics	POLI1205	2		
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học Scientific Socialism	POLI1206	2		

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese communist party	POLI1207	2		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	POLI1208	1.5	0.5	
<b>b)</b>	<b>Kiến thức kinh tế, luật, khoa học xã hội và nhân văn</b>		<b>6</b>	<b>0</b>	
	Chọn trong danh mục các môn học sau:				
	<b>Kinh tế – Khoa học xã hội nhân văn</b>		<b>3</b>		
6	Kinh tế học đại cương Basic Economics	ECON6301	3		
7	Kinh tế vi mô Microeconomics	ECON6302	3		
8	Kinh tế vĩ mô Macroeconomics	ECON6303	3		
9	Xã hội học đại cương Introduction to Sociology	SOCI6301	3		
10	Tâm lý học đại cương Introduction to Psychology	SOCI6302	3		
11	Đại cương văn hoá Việt Nam Introduction to Vietnamese Culture	VIET6301	3		
12	An sinh xã hội Social Welfare	SWOR6301	3		
13	Tiếng Việt thực hành Introduction to Vietnamese Linguistics	VIET6201	2		
14	Cơ sở ngôn ngữ học The Vietnamese Language	VIET6302	3		
	<b>Pháp luật</b>		<b>3</b>		
15	Pháp luật đại cương Introduction to Law	GLAW6301	3		
16	Lý luận nhà nước và pháp luật Theories of State and Law	BLAW6301	3		
<b>c)</b>	<b>Kiến thức toán, tin học và khoa học tự nhiên</b>		<b>8</b>	<b>1</b>	
	Chọn trong danh mục các môn học sau:				
	<b>Toán và logic học</b>		<b>3</b>		



STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
17	Giải tích Calculus	MATH6301	2	1	
18	Đại số tuyến tính Linear Algebra	MATH6302	2	1	
19	Xác suất và thống kê Probability and Statistics	MATH6303	2	1	
20	Thống kê ứng dụng Business Statistics	BADM6341	3		
21	Logic học Logics	ACCO6317	3		
22	Tư duy phản biện Critical thinking	BLAW6303	3		
23	Thống kê xã hội Statistics in Social Sciences	SOCI6304	3		
	<b>Khoa học tự nhiên và môi trường</b>		<b>3</b>		
24	Hóa đại cương General Chemistry	CHEM6301	2	1	
25	Sinh học đại cương General Biogly	BIOT6221	2		
26	Con người và môi trường Human Environmental Interaction	BIOT6335	3		
	<b>Tin học</b>		<b>2</b>	<b>1</b>	
27	Tin học văn phòng nâng cao Advanced Office Informatics	COMP6303	2	1	
<b>d)</b>	<b>Tiếng Anh (hoặc ngoại ngữ hai)</b>		<b>30</b>		
28	Tiếng Anh nâng cao 1 Academic English 1	GENG1311	3		
29	Tiếng Anh nâng cao 2 Academic English 2	GENG1312	3		
30	Tiếng Anh nâng cao 3 Academic English 3	GENG1313	3		
31	Tiếng Anh nâng cao 4 Academic English 4	GENG1314	3		

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
32	Tiếng Anh nâng cao 5 Academic English 5	GENG1315	3		
33	Tiếng Anh nâng cao 6 Academic English 6	GENG1316	3		
34	Tiếng Anh nâng cao 7 Academic English 7	GENG1317	3		
35	Tiếng Anh nâng cao 8 Academic English 8	GENG1318	3		
36	Tiếng Anh nâng cao 9 Academic English 9	GENG1319	3		
37	Tiếng Anh nâng cao 10 Academic English 10	GENG1320	3		
<b>2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>78</b>	<b>8</b>	
<i>a)</i>	<i>Kiến thức cơ sở (khối ngành, nhóm ngành, ngành)</i>				
<b>a)</b>	<b>Kiến thức cơ sở (khối ngành, nhóm ngành, ngành)</b>		<b>20</b>	<b>0</b>	
	Bắt buộc				
38	Luật Hiến pháp Constitutional Law	BLAW6325	3		
39	Luật hành chính Administrative Law	BLAW6326	3		
40	Luật hình sự Criminal Law	BLAW6327	3		
41	Luật dân sự 1 Civil Law 1	BLAW6328	3		
42	Luật dân sự 2 Civil Law 2	BLAW6329	3		
43	Luật tố tụng dân sự Civil Procedure Law	BLAW6339	3		
44	Luật tố tụng hình sự Criminal Procedure Law	BLAW6222	2		
<b>b)</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>23</b>	<b>0</b>	
	<b>Bắt buộc</b>		<b>21</b>	<b>0</b>	
45	Pháp luật về các loại hình thương nhân (Tiếng Anh) Law on Business Organisations	BLAW5324	3		

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
46	Pháp luật về hoạt động thương mại (Tiếng Anh) Law on Business Activities	BLAW5315	3		
47	Phá sản và giải quyết tranh chấp (Tiếng Anh) Law on Bankruptcy and Dispute Settlement	BLAW5201	2		
48	Luật đất đai Land Law	BLAW6340	3		
49	Công pháp quốc tế (Tiếng Anh) Public International Law	BLAW5308	3		
50	Tư pháp quốc tế Private International Law	BLAW6330	3		
51	Kỹ năng soạn thảo văn bản Drafting Legal Documents	BLAW6223	2		
52	Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý Legal Writing and Research	BLAW6224	2		
	<b>Tự chọn:</b> Chọn 1 trong các môn sau:		<b>2</b>		
53	Luật hôn nhân và gia đình Marriage and Family Law	BLAW6204	2		
54	Luật thi hành án dân sự Law on Enforcement of Civil Judgments	BLAW6341	3		
55	Pháp luật về giao dịch bảo đảm Law on Secured Transactions	GLAW6205	2		
<b>c)</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>		<b>23</b>	<b>4</b>	
	<b>Bắt buộc</b>		<b>15</b>	<b>4</b>	
56	Luật lao động Labour Law	BLAW6342	3		
57	Luật thuế Tax Law	BLAW6343	3		
58	Luật thương mại quốc tế (tiếng Anh) International Commercial Law	BLAW5325	3		
59	Luật sở hữu trí tuệ Law on Intellectual Property	BLAW6344	3		

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
60	Luật cạnh tranh Competition Law	BLAW6331	3		
61	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế 1 Practice Training (Business law 1)	BLAW6205		2	
62	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế 2 Practice Training (Business law 2)	BLAW6206		2	
	<b>Tự chọn:</b> Chọn 8 tín chỉ trong các môn sau:		<b>8</b>		
63	Luật môi trường Environmental Law	BLAW6332	3		
64	Luật đầu tư (Tiếng Anh) Investment Law	BLAW5316	3		
65	Luật ngân hàng Banking Law	BLAW6208	2		
66	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng (Tiếng Anh) Contract Drafting Skills	BLAW5326	3		
67	Luật kinh doanh bảo hiểm Law on Insurance Business	BLAW6209	2		
68	Luật kinh doanh bất động sản Law on Real Estate Business	BLAW6333	3		
69	Pháp luật về xuất nhập khẩu Import & Export Law	BLAW6210	2		
70	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán Law on Securities and Stock Exchanges	BLAW6211	2		
71	Luật Thương mại điện tử Law on E-Commerce	BLAW6212	2		
72	Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng Lawyers, Legal Advice and Litigation Skills	BLAW6345	3		
73	Pháp luật cộng đồng ASEAN ASEAN Law	GLAW6305	3		

my

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
74	Luật ngân sách nhà nước State Budget Law	BLAW6213	2		
d)	<b>Kiến thức bổ trợ</b>		<b>6</b>		
	Tự chọn: Chọn 6 tín chỉ trong các môn sau:		<b>6</b>		
75	Luật Tổ tụng hành chính Administrative Procedures Law	BLAW6226	2		
76	Luật học so sánh Comparative Law	BLAW6214	2		
77	Lịch sử nhà nước và pháp luật History of State and Law	BLAW6316	3		
78	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	ACCO6329	3		
79	Quản trị học Principles of Management	BADM6349	3		
80	Nguyên lý kế toán (Tiếng Anh) Principles of Accounting	ACCO5336	3		
81	Quản trị học (Tiếng Anh) Principles of Management	BADM5346	3		
82	Marketing căn bản Principles of Marketing	BADM6346	3		
83	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	BADM6342	3		
84	Kinh tế xây dựng Engineering Economy in Construction	CENG6301	3		
85	Giới và phát triển Gender and Development	SWOR6303	3		
86	Quan hệ công chúng Public Relations	BADM6348	3		
87	Giao tiếp liên văn hóa Cross Cultural Communication	SEAS6304	3		
88	Phát triển sản phẩm CNSH Biotechnology Product Development	BIOT6202		2	
89	Quản lý môi trường Environmental Management	BIOT6214	2		

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
90	Dinh dưỡng người Human Nutrition	BIOT6204	2		
91	Thương mại điện tử E – commerce	BADM6303	2	1	
92	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp Enterprise Resource Planning System	ACCO6325	3	0	
93	Tài chính cá nhân Personal Finance	FINA6329	3		
94	Thuế và hoạt động kinh doanh Tax and Business Operations	FINA6332	3		
95	Khởi nghiệp Entrepreneurship	BADM6344	3		
96	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp Corporate Social Responsibility	BADM5307	2	1	
97	Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh English Legal Terms	BLAW5327	3		
<b>d) Thực tập và khóa luận tốt nghiệp (hoặc môn thay thế)</b>			<b>6</b>	<b>4</b>	
98	Thực tập tốt nghiệp Internship	BLAW6401		4	
99	Khóa luận tốt nghiệp BA thesis	BLAW6601	6		
	Hoặc môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp bởi 6 tín chỉ từ những môn học tự chọn thuộc kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành của <i>ngành Luật kinh tế</i> (Không được trùng với tên môn học đã học thuộc kiến thức bắt buộc, tự chọn của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế)				
<b>Tổng cộng: 142</b>			<b>132.5</b>	<b>9.5</b>	

### IX. Kế hoạch đào tạo (dự kiến)/Delivery of the curriculum (expected)

- Thời gian đào tạo chuẩn: 11 học kỳ
- Thời gian học tập tối thiểu: 09 học kỳ
- Thời gian học tập tối đa: 22 học kỳ



STT/ No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/ Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/ bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
<b>HỌC KỲ 1</b>							
Môn học bắt buộc							
1	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG1311	45	0	105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
2	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG1312	45	0	105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
3	Luật Hiến pháp	BLAW6325	35	10	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận
Môn tự chọn							

STT/ No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/ Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/ bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
4	Kinh tế học đại cương	ECON6301	45	0	105	Thuyết trình	Đánh giá quá trình: Cá nhân/nhóm sau buổi học mỗi chương Đánh giá giữa kỳ: Bài tự luận/trắc nghiệm, bài tập tình huống Đánh giá cuối kỳ: Tự luận, Trắc nghiệm
5	Lý luận nhà nước và pháp luật	BLAW6301	35	10	105	Thuyết giảng, thuyết trình, thảo luận,	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận
<b>HỌC KỲ 2</b>							
Môn học bắt buộc							
1.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG1313	45	0	105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc

My



STT/ No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/ Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/ bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
							nhịệm, tự luận
2.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG1314	45	0	105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nhịệm, tự luận
3.	Luật dân sự 1	BLAW6328	35	10	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
Môn học tự chọn							
4.	Tin học văn phòng nâng cao	COMP6303	45	15	90		
5.	<i>Môn tự chọn kiến thức bổ trợ 1</i> Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh	BLAW5327	45	0	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ

STT/ No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/ Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/ bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
							Cuối kỳ: tự luận. (* )
<b>HỌC KỲ 3</b>							
Môn học bắt buộc							
1.	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG1315	45	0	105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
2.	Tiếng Anh nâng cao 6	GENG1316	45	0	105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
3.	Luật dân sự 2	BLAW6329	35	10	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài

my

STT/ No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/ Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/ bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
							kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
4.	Luật hành chính	BLAW6326	45	0	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
Môn học tự chọn							
5.	Tư duy phản biện	BLAW6303	36	9	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: báo cáo nhóm – thuyết trình
<b>HỌC KỲ 4</b>							
Môn học bắt buộc							
1.	Tiếng Anh nâng cao 7	GENG1317	45	0	105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc

STT/ No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/ Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/ bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
							nghiệm, tự luận
2.	Tiếng Anh nâng cao 8	GENG1318	45	0	105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
3.	Pháp luật về các loại hình thương nhân (Tiếng Anh)	BLAW5324	45	0	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
4.	Luật tố tụng dân sự	BLAW6339	35	10	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
5.	Luật hình sự	BLAW6327	45	0	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài

STT/ No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/ Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/ bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
							kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luyện, trắc nghiệm hoặc tiểu luận
<b>HỌC KỲ 5</b>							
Môn học bắt buộc							
1.	Triết học Mác - Lênin	POLI1304	31.5	13.5	105	Thuyết giảng, Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học
2.	Tiếng Anh nâng cao 9	GENG1319	45	0	105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luyện
3.	Tiếng Anh nâng cao 10	GENG1320	45	0	105	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp

STT/ No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/ Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/ bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
						GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
4.	Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý	BLAW6224	21	9	70	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận
5.	Pháp luật về hoạt động thương mại (Tiếng Anh)	BLAW5315	35	10	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
6.	Luật tố tụng hình sự	BLAW6222	30	0	70	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: bài kiểm tra tự luận/ trắc nghiệm Cuối kỳ: tự luận
<b>HỌC KỲ 6</b>							
Môn học bắt buộc							
1.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	POLI1205	21	9	70	Thuyết giảng, Thuyết trình	Đánh giá thái độ (chuyên

STT/ No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/ Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/ bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
						nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học
2.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI1206	21	9	70	Thuyết giảng, Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học
3.	Luật lao động	BLAW6342	45	0	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm. Cuối kỳ: tự luận.
4.	Phá sản và giải quyết tranh chấp (Tiếng Anh)	BLAW5201	30	0	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.

STT/ No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/ Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/ bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
5.	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế 1	BLAW6205	60	0	40	Bài tập, thảo luận, case study	Báo cáo thực tập và kết quả đánh giá của đơn vị thực tập
6.	Kỹ năng soạn thảo văn bản	BLAW6223	30	0	70	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận
<b>HỌC KỲ 7</b>							
Môn học bắt buộc							
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI1208	28.5	9	62.5	Thuyết giảng, Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học
2.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI1207	21	9	70	Thuyết giảng, Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm



STT/ No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/ Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/ bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
							tra kết thúc môn học
3.	Luật sở hữu trí tuệ	BLAW6344	35	10	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm. Cuối kỳ: tự luận.
4.	Luật đất đai	BLAW6340	45	0	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
5.	Luật thuế	BLAW6343	45	0	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm. Cuối kỳ: tự luận.
Môn học tự chọn							
6.	<i>Môn tự chọn kiến thức ngành</i>		30	0	70	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm. Cuối kỳ: tự luận.
<b>HỌC KỲ 8</b>							
Môn học bắt buộc							
1.	Luật cạnh tranh	BLAW6331	45	0	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình

MM

STT/ No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/ Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/ bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
							nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
2.	Công pháp quốc tế (tiếng Anh)	BLAW5308	45	0	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm. Cuối kỳ: tự luận.
<b>Môn học tự chọn</b>							
3.	<i>Môn tự chọn chuyên ngành 1</i>		30	0	70	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm. Cuối kỳ: tự luận.
4.	<i>Môn tự chọn chuyên ngành 2</i>		30	0	70	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm. Cuối kỳ: tự luận.
5.	<i>Khoa học tự nhiên và môi trường (tự chọn): Con người và môi trường</i>	BIOT6335	35	10	105	Thuyết giảng, bài tập & thảo luận, thực hành tại lớp	Quá trình 20% Giữa kỳ 30%, Cuối kỳ 50% (trắc nghiệm)
<b>HỌC KỲ 9</b>							
<b>Môn học bắt buộc</b>							
1.	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế 2	BLAW6206	60	0	40	Bài tập, thảo luận, case study	Báo cáo thực tập và kết quả đánh giá của đơn vị thực tập

STT/ No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/ Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/ bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
2.	Tư pháp quốc tế	BLAW6330	45	0	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm. Cuối kỳ: tự luận.
Môn học tự chọn							
3.							
4.	<i>Môn tự chọn chuyên ngành 3</i>		30	0	70	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận. (* )
5.	Môn tự chọn kiến thức bổ trợ 2		30	0	70	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận. (* )
6.	Môn tự chọn kiến thức bổ trợ 3		30	0	70	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.

STT/ No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/ Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/ bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
							(*)
<b>HỌC KỲ 10</b>							
Môn học bắt buộc							
1.	Luật thương mại quốc tế (Tiếng Anh)	BLAW5325	45	0	105	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
2.	Thực tập tốt nghiệp <i>Internship</i>	BLAW6401	120	0	80	Thực hành Thảo luận	Đánh giá quá trình; Chuyên cần, thái độ làm việc. Chất lượng của báo cáo thực tập tốt nghệp
Môn học tự chọn							
3.	<i>Môn tự chọn chuyên ngành 4</i>		30	0	70	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận. (*)
4.	<i>Môn học thay thế Khóa luận tốt nghệp 1</i>		30	0	70	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm.

STT/ No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/ Course time			Phương pháp giảng dạy/ Teaching and learning methods	Hình thức kiểm tra/ bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self- study		
							Cuối kỳ: tự luận. (* )
<b>HỌC KỲ 11</b>							
	Khoá luận tốt nghiệp <i>BA thesis</i>	BLAW6601	90	0	210	Thực hành Thảo luận	Đánh giá quá trình; Chuyên cần, thái độ làm việc. Chất lượng của Khoá luận tốt nghiệp
<i>Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp như sau:</i>							
1.	<i>1.1. Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp 2</i>		30	0	70	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận. (* )
	<i>1.2. Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp 3</i>		30	0	70	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận. (* )

**Ghi chú:**

(\*): Số tín chỉ có thể là 2 tín chỉ hoặc là 3 tín chỉ (tùy thuộc tổng số tín chỉ đã được tích lũy)

**X. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra** (Phụ lục 1)/Curriculum mapping (Appendix 1)

**XI. Tổng hợp phương pháp dạy học và hình thức kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra** (Phụ lục 2)/Synthesis of teaching and learning methods and student assessment for the achievement of PLOs (Appendix 2)

**XII. Sơ đồ chương trình đào tạo** (Phụ lục 3)/Curriculum Roadmap (Appendix 3)

**XIII. Hướng dẫn thực hiện chương trình** (Phụ lục 4)/Guidelines for implementing the programme (Appendix 4)

**XIV. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình** (Phụ lục 5)/Quality assurance for the programme (Appendix 5)

**XV. Đối sánh chương trình đào tạo trong nước và nước ngoài** (Phụ lục 6) /Curriculum benchmarking (Appendix 6)

**XVI. Đề cương môn học** (Phụ lục 7)/Course specifications (Appendix 7)

**XVII. Mô tả môn học**/Course overview (Mô tả môn học theo thứ tự của cấu trúc chương trình đào tạo)

Môn học/Course Name: **Triết học Mác- Lênin**

Mã môn học/Course Code: POLI1304

Số tín chỉ/Credits: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Triết học Mác-Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin – môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học trong cả nước.

Triết học Mác-Lênin là những nguyên lý triết học cơ bản do C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin viết nên trên cơ sở kế thừa sáng tạo và phát triển tinh hoa triết học nhân loại, tổng kết thực tiễn và trí tuệ thời đại; là thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng, cách mạng; là những quy luật chung nhất của sự vận động và phát triển của thế giới nói chung và sự vận động và phát triển của xã hội nói riêng.

Ý nghĩa – phương pháp luận sâu sắc được rút ra từ việc nghiên cứu Triết học Mác-Lênin có giá trị định hướng đúng đắn cho mọi hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người.

Môn học/Course Name: **Kinh tế chính trị Mác- Lênin**

Mã môn học/Course Code: POLI1205

Số tín chỉ/Credits: 2

Môn học trước: Triết học Mác- Lênin

Mô tả tóm tắt/Course description: Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Môn học/Course Name: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã môn học/Course Code: POLI1206

Số tín chỉ/Credits: 2

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, là kết quả của sự vận dụng thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin và những học thuyết của kinh tế chính trị Mác - Lênin vào việc nghiên cứu quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.

Môn học/Course Name: **Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam**

Mã môn học/Course Code: POLI1207

Số tín chỉ/Credits: 2

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng

dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Môn học/Course Name: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Mã môn học/Course Code: POLI1208

Số tín chỉ/Credits: 2

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học tư tưởng Hồ Chí Minh được tổ chức giảng dạy cho sinh viên năm thứ hai của chương trình đào tạo Đại học. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về nội dung quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người, trong đó nội dung cốt lõi là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Qua môn học này sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Môn học/Course Name: **Kinh tế học đại cương**

Mã môn học/Course Code: ECON6301

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Kinh tế học đại cương là trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô (cơ chế vận hành trong nền kinh tế thị trường; các mô hình ra quyết định của các tác nhân riêng lẻ trong nền kinh tế: người tiêu dùng và nhà sản xuất...) và các công cụ cần thiết để phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô (sản lượng, lạm phát, thất nghiệp...)

Môn học/Course Name: **Kinh tế vi mô**

Mã môn học/Course Code: ECON6302

Số tín chỉ/Credits: 3 *my*



Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, các quyết định về phân bổ nguồn lực được các nhà hoạch định từ Trung ương đưa ra. Ngược lại, trong nền kinh tế thị trường, các nguồn lực được phân bổ thông qua cơ chế giá cả. Trong nền kinh tế thị trường, các quyết định liên quan đến tiêu dùng và sản xuất đều được phi tập trung hoá: các hộ gia đình tự quyết định về việc phải làm bao nhiêu và tiêu dùng cái gì; trong khi đó các doanh nghiệp tự quyết định phải sản xuất cái gì, bao nhiêu và sản xuất như thế nào.

Nội dung môn học này gồm có bốn phần chính:

Trong phần đầu sẽ giới thiệu mô hình cung, cầu đơn giản và hoạt động của thị trường. Ngoài ra, khái niệm thặng dư tiêu dùng, thặng dư sản xuất cũng sẽ được giới thiệu và dùng để phân tích tác động của chính sách kiểm soát giá, chính sách thuế và trợ cấp của chính phủ.

Phần thứ hai của môn học nghiên cứu về lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng và từ những nguyên tắc cơ bản trong việc tối ưu hoá hành vi của người tiêu dùng sẽ xây dựng dạng thức của đường cầu thị trường.

Phần thứ ba nghiên cứu về hành vi của doanh nghiệp theo một trình tự logic từ lý thuyết sản xuất đến lý thuyết chi phí và nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận. Cuối cùng là xây dựng đường cung của doanh nghiệp và đường cung thị trường trong một ngành cạnh tranh.

Phần thứ tư của môn học sẽ trình bày các mô hình về Độc quyền, độc quyền nhóm và cạnh tranh độc quyền để hoàn chỉnh việc nghiên cứu các cấu trúc thị trường sản phẩm.

Môn học/Course Name: **Kinh tế vĩ mô**

Mã môn học/Course Code: ECON6303

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Với những kiến thức cơ bản về Kinh tế học vĩ mô được cung cấp trong môn học này, sinh viên có thể hiểu được ý nghĩa của các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản (như GDP, GNI, CPI, tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát,...), cách thức hình thành lãi suất trên thị trường tiền tệ, cũng như việc ngân hàng trung ương dùng lãi suất chiết khấu, dự trữ bắt buộc và hoạt động nghiệp vụ thị trường mở như là các công cụ làm thay đổi cung tiền trong nền kinh tế. Ngoài ra, sinh viên còn có thể phân biệt được

sự khác nhau giữa các khái niệm mất giá - lên giá, nâng giá - phá giá của một đồng tiền và giải thích được sự hình thành tỷ giá hối đoái trên thị trường ngoại tệ và cách mà chính phủ có thể can thiệp vào thị trường ngoại tệ trong từng cơ chế tỷ giá hối đoái.

Trên cơ sở nắm bắt sản lượng cân bằng được xác định như thế nào trong mô hình số nhân của Keynes, kết hợp với các kiến thức trong thị trường tiền tệ và thị trường ngoại tệ, sinh viên sẽ được giới thiệu mô hình IS-LM, mô hình tổng cung- tổng cầu để có thể hiểu được khi chính phủ thực hiện chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa thì sản lượng quốc gia, lạm phát và thất nghiệp bị ảnh hưởng như thế nào. Cuối cùng, cũng thông qua mô hình tổng cung-tổng cầu, sinh viên có thể giải thích được mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn và dài hạn.

Môn học/Course Name: **Xã hội học đại cương**

Mã môn học/Course Code: SOCI6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này cung cấp một số khái niệm cơ bản của xã hội học. Đây là môn học nền tảng để sinh viên có thể học các môn tiếp theo như Lịch sử XHH và các lý thuyết xã hội học hiện đại, Phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội,...

Cung cấp những khái niệm căn bản của xã hội học, giới thiệu một số chủ đề, lý thuyết, phương pháp cơ bản của xã hội học. Đồng thời sinh viên thực tập phân tích một số vấn đề xã hội bằng cách vận dụng các lý thuyết, khái niệm đã học.

Sau khi học xong môn này, sinh viên có hiểu biết ban đầu về các lối tiếp cận lý thuyết xã hội học và đặc điểm của lối nhìn xã hội học; về phương pháp xã hội học; hiểu biết về các yếu tố cấu thành xã hội và văn hóa; hiểu được các yếu tố cấu thành nhân cách; hiểu các loại hình tổ chức xã hội và định chế xã hội; hiểu sự phân tầng xã hội; hiểu biết về hiện tượng lệch lạc xã hội; biết được các loại hình hành vi tập thể và các phong trào xã hội và cuối cùng hiểu biết về biến chuyển xã hội và quá trình hiện đại hóa.

Môn học/Course Name: **Tâm lý học đại cương**

Mã môn học/Course Code: SOCI6302

Số tín chỉ: 3 *My*

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tâm lý học đại cương là môn học nền tảng cung cấp các kiến thức cơ bản về tâm lý cho sinh viên. Môn này sẽ giúp sinh viên hiểu được đối tượng, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học đại cương; bản chất của các hiện tượng tâm lý; các khái niệm và thuật ngữ cơ bản trong tâm lý học cũng như phần nào lý giải được cơ sở thần kinh của các hiện tượng tâm lý. Đây là môn học tiền đề trước khi sinh viên tiếp cận với khối kiến thức chuyên ngành.

Môn học/Course Name: **Đại cương văn hóa Việt Nam**

Mã môn học/Course Code: VIET6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về văn hoá Việt Nam. Giúp sinh viên hiểu rõ hơn văn hoá của dân tộc mình để từ đó nhận thức đúng những giá trị văn hoá truyền thống của Việt Nam. Nhìn lại bản sắc và tính cách văn hóa của dân tộc để bảo tồn, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Môn học/Course Name: **An sinh xã hội**

Mã môn học/Course Code: SWOR6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ sở để có thể học tốt các môn chuyên ngành như CTXH cá nhân, CTXH nhóm,... Môn học đề cập về hệ thống an sinh xã hội trên thế giới và tại Việt Nam đồng thời cung cấp cách nhìn khái quát hơn, toàn diện hơn, đầy đủ hơn và khoa học hơn để giải thích, diễn giải bối cảnh hình thành một số vấn đề xã hội mà xã hội Việt Nam đang đối mặt như các vấn đề của người cao tuổi, người khuyết tật, mại dâm, ma túy, nghèo đói, di dân lao động,...

Môn học/Course Name: **Tiếng Việt thực hành**

Mã môn học/Course Code: VIET6201

Số tín chỉ/Credits: 2

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: Không có

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng; các kiến thức về sử dụng tiếng Việt, về chức năng, *My*

cấu trúc, cách nhận diện và cách sửa lỗi sai trong tiếng Việt ở các phương diện: văn bản, ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm; các kiến thức liên quan đến kỹ năng nâng cao hiệu quả giao tiếp và sử dụng tiếng Việt trong thực tiễn; các kiến thức sử dụng tiếng Việt liên quan đến công việc, tự học, nghiên cứu, biên soạn tư liệu, viết bài, luận văn khoa học của sinh viên trong trường đại học, ...

Môn học/Course Name: **Cơ sở ngôn ngữ học**

Mã môn học/Course Code: VIET6302

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là môn học tự chọn trong khối kiến thức Khoa học xã hội và nhân văn. Nắm vững kiến thức môn học này sẽ giúp sinh viên tiếp thu và vận dụng tốt các phân môn của ngôn ngữ như: Ngữ âm học, Từ vựng học, Ngữ pháp học, ...

Môn học/Course Name: **Pháp luật đại cương**

Mã môn học/Course Code: GLAW6301

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật đại cương là môn học trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học trình bày những khái niệm cơ bản về Nhà nước và pháp luật, bao gồm: Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, chức năng của Nhà nước, kiểu nhà nước, hình thức nhà nước và phân tích cấu trúc của bộ máy Nhà nước, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước Việt Nam; Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm của pháp luật, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, ý thức và thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, và Hình thức pháp luật; Giới thiệu khái quát về hệ thống pháp luật và các ngành luật trong hệ thống Pháp luật của Nhà nước Việt Nam, trình bày những nội dung cơ bản của Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật dân sự và Luật Tố tụng dân sự, Luật lao động, Luật Hôn nhân và gia đình, pháp luật Phòng chống tham nhũng.

Môn học/Course Name: **Lý luận nhà nước và pháp luật**

Mã môn học/Course Code: BLAW6301

Số tín chỉ: 3



Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Lý luận nhà nước và pháp luật là môn học trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học này trang bị cho sinh viên những lý thuyết về nguồn gốc, bản chất và kiểu nhà nước; chức năng, hình thức và bộ máy nhà nước; nguồn gốc, bản chất và kiểu pháp luật; chức năng và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; ý thức pháp luật; thực hiện và áp dụng pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

Môn học/Course Name: **Giải tích**

Mã môn học/Course Code: MATH6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học được tổ chức giảng dạy trong năm thứ nhất của chương trình đào tạo Đại học. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức về hàm số, đạo hàm, ứng dụng của đạo hàm, tích phân, ứng dụng của tích phân, phương trình vi phân, chuỗi và hàm nhiều biến số.

Môn học này rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổng hợp, phân tích, suy luận và giải quyết vấn đề.

Môn học/Course Name: **Đại số tuyến tính**

Mã môn học/Course Code: MATH6302

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này được tổ chức giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất của chương trình đào tạo Đại học. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về: Ma trận, Định thức, Hệ phương trình tuyến tính, Không gian vectơ, Giá trị riêng, vectơ riêng, chéo hóa ma trận, dạng toàn phương và một số ứng dụng thực tế.

Qua môn học này rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổng hợp, phân tích, suy luận và giải quyết vấn đề.

Môn học/Course Name: **Xác suất và thống kê**

Mã môn học/Course Code: MATH6303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học này thuộc phần kiến thức nền tảng, có vai trò cung cấp kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê làm cơ sở cho các môn chuyên ngành và có thể vận dụng trong cuộc sống. Nội dung môn học giới thiệu các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng bao gồm: xác suất, luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên, thống kê mô tả, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết và hồi quy tuyến tính đơn, và phần mềm xử lý thống kê R ở mức độ cơ bản.

Môn học/Course Name: **Thống kê ứng dụng**

Mã số môn học/Course Code: BADM6341

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Thống kê ứng dụng là môn học cơ sở. Mục đích của môn học là trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về ứng dụng thống kê trong các lĩnh vực chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính ngân hàng và kinh tế. Sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức cơ bản về thống kê mô tả và thống kê suy diễn như: ước lượng, kiểm định giả thuyết thống kê, tương quan, hồi quy tuyến tính đơn giản, phương pháp phân tích tăng trưởng và chi số, biết cách thực hiện một cuộc điều tra thống kê và viết và trình bày báo cáo phân tích thống kê.

Môn học/Course Name: **Logic học**

Mã môn học/Course Code: ACCO6317

Số tín chỉ: 3


Môn học trước:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Logic học, sự hình thành và phát triển của logic học. Hoàn tất môn học, sinh viên hiểu rõ các quy luật cơ bản và các hình thức của tư duy, giúp sinh viên hình thành tư duy logic, sử dụng từ và câu chính xác trong diễn đạt ý tưởng, đồng thời sinh viên có khả năng suy luận, phán đoán, chứng minh hoặc bác bỏ vấn đề một cách thuyết phục, chặt chẽ và nhất quán.

Môn học/Course Name: **Tư duy phản biện**

Mã môn học/Course Code: BLAW6303

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không 

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Tư duy phản biện là môn học trong khối kiến thức giáo dục đại cương nhằm giúp sinh viên rèn luyện sự nhạy bén trong việc phát hiện và nhận diện các tình huống có vấn đề, xử lý các thông tin, phân tích, lập luận, tổng hợp, so sánh, đánh giá các tình tiết, giải quyết, ra quyết định về các vấn đề một cách đúng đắn, rõ ràng, chủ động, sáng tạo và hiệu quả. Trên cơ sở này, sinh viên có thể phân biệt đúng sai, tránh những sai lầm, thiếu sót khi học tập, làm việc trong mọi ngành nghề và các lĩnh vực khác nhau. Trong suốt thời gian học tập, sinh viên sẽ vận dụng những khái niệm, nguyên lý, quy tắc và những kỹ năng tư duy, lập luận để giải quyết những vấn đề của bản thân hoặc xã hội quan tâm. Môn học này trình bày các nội dung chính như sau (i) Những khái niệm về tư duy, (ii) Những hình thức tư duy, (iii) Những quy luật căn bản của tư duy, (iv) Chứng minh – bác bỏ - ngụy biện, (v) Kỹ năng tư duy và lập luận.

Môn học/Course Name: **Thống kê xã hội**

Mã môn học/Course Code: SOCI6304

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Thống kê xã hội là một khối kiến thức tối cần thiết cho sinh viên khối ngành khoa học xã hội nói chung. Trong loại hình nghiên cứu định lượng, người học bắt buộc phải có kiến thức thống kê để có thể phân tích được các dữ liệu có được thông qua các cuộc điều tra xã hội học. Cùng với môn Phương pháp trong nghiên cứu xã hội và các môn học lý thuyết thuộc khối kiến thức chuyên ngành của các ngành khoa học xã hội (Xã hội học, Công tác xã hội, Đông Nam Á học) thì Thống kê xã hội cũng hợp thành khối kiến thức nền cho các ngành học này.

Môn học/Course Name: **Hóa đại cương**

Mã môn học/Course Code: CHEM6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Hóa đại cương là môn học thuộc khối Kiến thức cơ sở của ngành Công nghệ sinh học. Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản về cấu tạo nguyên tử, phản ứng hóa học, liên kết hóa học, các loại hệ - pha,... làm cơ sở để sinh viên tiếp thu các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành sau này. Môn học có phần thực hành giúp sinh viên làm quen với các thiết bị (pH kế, tủ sấy, bồn điều nhiệt...),

dụng cụ (erlen, becher, ống nghiệm, pipet, buret,...) trong phòng thí nghiệm, từ đó sử dụng các dụng cụ, thiết bị phục vụ cho học tập và nghiên cứu sau này.

Môn học/Course Name: **Sinh học đại cương**

Mã môn học/Course Code: BIOT6221

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Sinh học đại cương là môn học nền tảng cho ngành học Công nghệ sinh học, sẽ được học đầu tiên trong chương trình, nhằm giúp sinh viên có các kiến thức cốt lõi về các đối tượng sinh học, chú trọng đến phân loại của thực vật, động vật, sự tiến hoá của sinh giới và đa dạng sinh học. Trên cơ sở nền tảng của Sinh học đại cương, sinh viên sẽ học các môn học như: Sinh lý thực vật, Sinh lý động vật, Di truyền học, và rất nhiều các môn học ngành.

Môn học/Course Name: **Con người và môi trường**

Mã môn học/Course Code: BIOT6335

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương


Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài nguyên, môi trường và các thành phần môi trường, hệ thống pháp luật về quản lý môi trường và đặc biệt là mối quan hệ của con người với môi trường và sự phát triển của người đã tác động đến các thành phần của môi trường như thế nào cũng như là các vấn đề môi trường mà nhân loại đang đối mặt.

Môn học/Course Name: **Tin học văn phòng nâng cao**

Mã môn học/Course Code: COMP6303

Số tín chỉ: 3

Môn học điều kiện/Requirements: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tin học văn phòng nâng cao thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của các ngành, ngoại trừ các ngành thuộc khoa Công nghệ thông tin và ngành Khoa học dữ liệu. Môn học Tin học văn phòng nâng cao hướng dẫn sinh viên sử dụng các phần mềm ứng dụng thông dụng trong văn phòng trình độ nâng cao. Sinh viên học và đạt môn học Tin học văn phòng nâng cao sẽ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao theo thông tư số 03/2014 của Bộ Thông tin và 



Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp hoặc có liên quan đến hoạt động đánh giá kỹ năng sử dụng CNTT.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 1**

Mã môn học/Course Code: GENG1311

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh Nâng Cao 1 là môn học đầu tiên trong chương trình tiếng Anh nâng cao, giúp sinh viên đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ đầu ra B1 – trình độ trung cấp. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng Tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp, với nội dung gồm những kiến thức phổ quát về thế giới.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 2**

Mã môn học/Course Code: GENG1312

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 2 trong chương trình tiếng Anh nâng cao dành cho sinh viên không chuyên ngữ. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng) và phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết) để sinh viên có thể tự giới thiệu về mình và giao tiếp bằng tiếng Anh trong các tình huống thông thường. Học phần được tăng cường tiết học qua mạng (online) nhằm nâng cao tính tự học của sinh viên.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 3**

Mã môn học/Course Code: GENG1313

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 3 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 4** *My*

Mã môn học/Course Code: GENG1314

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 4 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên đã hoàn thành môn Tiếng Anh nâng cao 3. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 5**

Mã môn học/Course Code: GENG1315

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 5 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên đã hoàn thành môn Tiếng Anh nâng cao 4. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 6**

Mã môn học/Course Code: GENG1316

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 6 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên đã hoàn thành môn Tiếng Anh nâng cao 5. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (Critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 7**

Mã môn học/Course Code: GENG1317

Số tín chỉ: 3 *my*

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 6 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên đã hoàn thành môn Tiếng Anh nâng cao 6. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 8**

Mã môn học/Course Code: GENG1318

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 8 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên đã hoàn thành môn Tiếng Anh nâng cao 7. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 9**

Mã môn học/Course Code: GENG1319

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 9 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên đã hoàn thành môn Tiếng Anh nâng cao 8. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 10**

Mã môn học/Course Code: GENG1320

Số tín chỉ: 3 *my*

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 10 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên đã hoàn thành môn Tiếng Anh nâng cao 9. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học/Course Name: **Luật Hiến pháp**

Mã môn học/Course Code: BLAW6325

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Hiến pháp là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học gồm 2 phần (phần 1- Khái quát chung về Luật Hiến pháp, phần 2 giới thiệu Một số chế định của Ngành luật Hiến pháp), trang bị kiến thức liên quan đến những nhóm quan hệ pháp luật cơ bản nhất được điều chỉnh bởi Luật Hiến pháp. Những nội dung chính: Ngành luật Hiến pháp và Khoa học luật Hiến pháp; Hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam; chế độ chính trị, kinh tế, chế độ bầu cử của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và quốc tịch Việt Nam. Đặc biệt, môn học giới thiệu tổng quan về bộ máy nhà nước và làm rõ địa vị pháp lý của các cơ quan hiến định trong bộ máy nhà nước Việt Nam: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Hội đồng Bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước.

Môn học/Course Name: **Luật hành chính**

Mã môn học/Course Code: BLAW6326

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Hành chính là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành, giúp sinh viên nhận diện, phân tích, lập luận, đánh giá, giải quyết các vấn đề từ lý thuyết đến thực tiễn của hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Cụ thể, môn học này sẽ nghiên cứu các nội dung chính như Tổng quan về Luật Hành chính, Chủ thể của Luật Hành chính, Các hình thức và phương pháp quản lý hành chính và biện pháp bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước. *MV*

Môn học/Course Name: **Luật hình sự**

Mã môn học: BLAW6327

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Hình sự là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học này bao gồm phần chung và phần các tội phạm. Phần chung của Luật hình sự là những quy định về khái niệm tội phạm và những vấn đề liên quan đến việc xác định tội phạm; khái niệm về hình phạt và những vấn đề liên quan đến xác định hình phạt. Các quy định của Phần Chung mang tính nguyên tắc ứng dụng chung cho việc giải quyết vụ án hình sự đối với tất cả các tội phạm, mang tính định hướng nguyên tắc xác định những vấn đề nội dung của vụ án. Phần Các tội phạm trang bị cho sinh viên kiến thức về tội phạm cụ thể, gồm các bài học về các nhóm tội phạm như các tội xâm phạm tính mạng sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, các tội xâm phạm sở hữu, các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, các tội phạm về chức vụ.

Môn học/Course Name: **Luật Dân sự 1**

Mã môn học/Course Code: BLAW6328

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không


Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Dân sự 1 là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học này giải quyết các vấn đề liên quan đến quy định chung của luật dân sự như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, vị trí của luật dân sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành, nguồn của luật dân sự, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu; các vấn đề liên quan đến tài sản, quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và thừa kế.

Môn học/Course Name: **Luật Dân sự 2**

Mã môn học/Course Code: BLAW6329

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật Dân sự 1

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Dân sự 2 là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức pháp luật 

cơ bản về nghĩa vụ, các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ, hợp đồng, các loại hợp đồng thông dụng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Môn học/Course Name: **Luật Tố tụng dân sự**

Mã môn học/Course Code: BLAW6339

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật Dân sự 1, 2

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Tố tụng dân sự là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học này hướng tới nghiên cứu quan hệ pháp luật về tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự. Nội dung môn học bao gồm các vấn đề chủ yếu sau: Tổng quan về Luật Tố tụng dân sự, Thẩm quyền dân sự của Tòa án, Chứng cứ và chứng minh, Biện pháp khẩn cấp tạm thời, Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự và Thủ tục giải quyết việc dân sự.

Môn học/Course Name: **Luật Tố tụng Hình sự**

Mã môn học/Course Code: BLAW6222


Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Luật Hình sự

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Tố tụng Hình sự là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học có hai nội dung cơ bản: Những vấn đề lí luận chung về TTHS và các giai đoạn tố tụng cụ thể trong việc giải quyết vụ án hình sự. Môn học này nghiên cứu các vấn đề về khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản của Luật TTHS; các quy định của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và công dân; hợp tác quốc tế trong TTHS; những quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về các loại hình thương nhân (tiếng Anh)**

Mã môn học/Course Code: BLAW5324

Số tín chỉ: 3 

Môn học trước: Luật Dân sự 1

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật về các loại hình thương nhân là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Môn học này bao gồm những kiến thức pháp luật về các loại hình thương nhân như thành lập, góp vốn, đăng ký kinh doanh, đặc điểm pháp lý, tổ chức quản lý, tổ chức lại và giải thể của các loại hình thương nhân (doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hộ kinh doanh và hợp tác xã).

Môn học/Course Name: **Pháp luật về hoạt động thương mại (tiếng Anh)**

Mã môn học/Course Code: BLAW5315

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật Dân sự 2; Pháp luật về các loại hình thương nhân

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật về hoạt động thương mại là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Nội dung kiến thức pháp luật về hoạt động thương mại bao gồm (i) Khái niệm, đặc điểm về hoạt động thương mại, thương nhân; (ii) Hoạt động mua bán hàng hóa trong nước; (iii) Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế; (iv) Hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch; (v) Các hoạt động dịch vụ như: logistics, giám định, quá cảnh, hoạt động trung gian thương mại, xúc tiến thương mại và một số hoạt động thương mại khác và (vi) Chế tài trong thương mại.

Môn học/Course Name: **Phá sản và giải quyết tranh chấp (tiếng Anh)**

Mã môn học/Course Code: BLAW5201

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Pháp luật về các loại hình thương nhân; Pháp luật về hoạt động thương mại

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật phá sản và giải quyết tranh chấp là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Nội dung của môn học này bao gồm 2 nhóm vấn đề: (i) Trình bày các dấu hiệu pháp lý nhận diện phá sản doanh nghiệp và hợp tác xã, đối tượng và phạm vi áp dụng luật phá sản, các chủ thể trong giải quyết phá sản và các quy định pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán; (ii) Xác định tranh chấp thương mại và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại được áp dụng trong thực tiễn hiện nay. Trong đó tập trung trình bày các nội dung chi tiết về các phương thức giải quyết tranh chấp

thương mại được luật định và có tính đặc thù trong lĩnh vực thương mại như: hòa giải thương mại và trọng tài thương mại.

Môn học/Course Name: **Luật Đất đai**

Mã môn học/Course Code: BLAW6340

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật hành chính

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Đất đai là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Nội dung môn học sẽ sơ lược quá trình hình thành và phát triển của chế độ sở hữu toàn dân về đất đai ở Việt Nam qua các thời kỳ, quá trình hình thành và phát triển của Luật Đất đai, đi sâu nghiên cứu vào nội dung từng chế định quan trọng của Luật Đất đai. Cụ thể, nội dung môn học bao gồm các vấn đề sau: (i) Những vấn đề lý luận chung về Luật Đất đai; (ii) Hoạt động quản lý thông tin, dữ liệu và tài chính về đất đai; (iii) Hoạt động điều phối đất đai; (iv) Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất và (v) Cơ chế bảo đảm thi hành các quy định của Luật Đất đai.

Môn học/Course Name: **Công pháp quốc tế (tiếng Anh)**

Mã môn học/Course Code: BLAW5308


Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Công pháp quốc tế là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Luật quốc tế để hiểu rõ các đặc trưng cơ bản của Luật quốc tế (khái niệm, thuật ngữ của Luật quốc tế, các chủ thể tham gia quan hệ pháp Luật quốc tế, những quan hệ quốc tế mà ngành luật này điều chỉnh...); các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế; các loại nguồn của Luật quốc tế; những vấn đề cơ bản của quốc gia và các vấn đề dân cư, lãnh thổ, tranh chấp quốc tế và giải quyết tranh chấp quốc tế. Nội dung chính của môn học này bao gồm: (i) Lý luận chung về Luật quốc tế; (ii) Các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế; (iii) Nguồn của Luật quốc tế; (iv) Quốc gia trong Luật quốc tế; (v) Dân cư trong Luật quốc tế; (vi) Lãnh thổ và biên giới quốc gia trong Luật quốc tế và (vii) Luật Ngoại giao và Lãnh sự.

Môn học/Course Name: **Tư pháp quốc tế**

Mã môn học/Course Code: BLAW6330

Số tín chỉ: 3 



Môn học trước: Luật dân sự 1, 2, Luật tố tụng dân sự, Luật sở hữu trí tuệ, Luật Lao động

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Tư pháp quốc tế là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Môn học cung cấp kiến thức liên quan đến việc giải quyết xung đột pháp luật trong quan hệ pháp luật dân sự, thương mại và tố tụng dân sự có yếu tố nước ngoài, rèn luyện kỹ năng phân tích tình huống pháp lý trong thực tiễn và xác định nguồn luật áp dụng để giải quyết tình huống, hình thành năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm. Nội dung chính của môn này bao gồm (i) Tư cách chủ thể cá nhân, tổ chức có yếu tố nước ngoài; (ii) Xung đột về thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự; (iii) Xung đột pháp luật; (iv) Công nhận và thi hành bản án, quyết định của Tòa án, trọng tài nước ngoài và (v) Những chế định của các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài.

Môn học/Course Name: **Kỹ năng soạn thảo văn bản**

Mã môn học/Course Code: BLAW6223

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Luật hành chính

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Kỹ năng soạn thảo văn bản là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kiến thức và kỹ năng soạn thảo các loại văn bản hành chính thông dụng cùng với một số loại đơn thường gặp trong thực tiễn cuộc sống, công tác.

Môn học/Course Name: **Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý**

Mã môn học/Course Code: BLAW6224

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Luật Dân sự 1, 2, Luật Hình sự

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Môn học này trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về lập luận, giải quyết tình huống pháp lý và nghiên cứu đề tài khoa học pháp lý. Trên cơ sở này, sinh viên có thể vận dụng vào hoạt động học tập, làm việc và nghiên cứu trong lĩnh vực pháp lý.

Môn học/Course Name: **Luật Hôn nhân và gia đình** 

Mã môn học/Course Code: BLAW6204

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Luật dân sự 1,2

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Hôn nhân và gia đình là môn học tự chọn trong khối kiến thức ngành. Môn học này cung cấp các kiến thức tổng quát về cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, cụ thể như quy định về kết hôn, quy định về quan hệ giữa vợ và chồng, quy định về quan hệ giữa cha, mẹ và con, nghĩa vụ cấp dưỡng của các thành viên trong gia đình và chấm dứt hôn nhân.

Môn học/Course Name: **Luật thi hành án dân sự**

Mã môn học/Course Code: BLAW6341

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật Tố tụng dân sự

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Thi hành án dân sự là môn học tự chọn trong khối kiến thức ngành. Môn học này đề cập đến các vấn đề chung của pháp luật về thủ tục thi hành án dân sự; biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự; phí và chi phí thi hành án dân sự; khiếu nại, tố cáo, kháng nghị và xử lý vi phạm về thi hành án dân sự.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về giao dịch bảo đảm**

Mã môn học/Course Code: GLAW6205

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Luật dân sự 1,2


Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật về giao dịch bảo đảm là môn học tự chọn trong khối kiến thức ngành. Môn học này bao gồm các nội dung cơ bản sau: (i) Những quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (ii) Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (iii) Pháp luật về hợp đồng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (iv) Pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm; (v) Pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm.

Môn học/Course Name: **Luật Lao động**

Mã môn học/Course Code: BLAW6342

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật Dân sự 2

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Lao động là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung chính của môn học này bao gồm Phạm vi 

điều chỉnh của Luật lao động, những nguyên tắc và nguồn của luật lao động; quan hệ pháp luật lao động; hệ thống ngành luật lao động; cơ chế ba bên và vai trò của nhà nước trong lĩnh vực lao động; tiêu chuẩn lao động quốc tế; Khái niệm, phân loại tranh chấp lao động, những ảnh hưởng của tranh chấp lao động đối với quan hệ lao động xã hội; những nguyên tắc giải quyết và cơ chế pháp luật giải quyết tranh chấp lao động.

Môn học/Course Name: **Luật Thuế**

Mã môn học/Course Code: BLAW6343

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Pháp luật về các loại hình thương nhân

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Thuế là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung chính của môn học này bao gồm (i) Những vấn đề lý luận về thuế và pháp luật thuế; (ii) Pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (iii) Pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt; (iv) Pháp luật thuế giá trị gia tăng; (v) Pháp luật thuế thu nhập; (vi) Pháp luật thuế liên quan đến đất đai; (vii) Pháp luật thuế khác gồm thuế tài nguyên, thuế môn bài và thuế bảo vệ môi trường; (viii) Pháp luật quản lý thuế và (ix) xử lý vi phạm. Mục đích của môn Luật thuế giúp sinh viên có những kiến thức pháp luật trong lĩnh vực thuế để vận dụng vào các công việc thực tế như: Thanh tra thuế, thực hiện các công việc của cán bộ hải quan, cán bộ thuế theo đúng pháp luật, tư vấn về kê khai, quản lý thuế, thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động đăng ký, kê khai, nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật.

Môn học/Course Name: **Luật Thương mại quốc tế (tiếng Anh)**

Mã môn học/Course Code: BLAW5325

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Tư pháp quốc tế

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Thương mại quốc tế là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung chính của môn học này bao gồm (i) Các thiết chế thương mại trong thương mại quốc tế; (ii) Quy chế pháp lý trong thương mại hàng hóa, dịch vụ quốc tế; (iii) Các biện pháp phòng vệ thương mại; (iv) Hợp đồng thương mại quốc tế; (v) Giải quyết tranh chấp trong hợp đồng thương mại quốc tế.

Môn học/Course Name: **Luật Sở hữu trí tuệ** 

Mã môn học/Course Code: BLAW6344

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật dân sự 1, 2

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Sở hữu trí tuệ là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này cung cấp những kiến thức về đối tượng được bảo hộ bằng quyền sở hữu trí tuệ (bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng), điều kiện cần đáp ứng để được bảo hộ, chủ thể được bảo hộ, nội dung bảo hộ, việc chuyển giao quyền và các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Môn học/Course Name: **Luật Cạnh tranh**

Mã môn học/Course Code: BLAW6331

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Pháp luật về các loại hình thương nhân; Pháp luật về hoạt động thương mại.

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Cạnh tranh là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung chính của môn học này bao gồm Kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh (chống độc quyền), hành vi cạnh tranh không lành mạnh; cơ quan quản lý cạnh tranh; điều tra xử lý vụ việc cạnh tranh; cơ quan và người tham gia tố tụng cạnh tranh; điều tra và xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh.

Môn học/Course Name: **Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế 1**

Mã môn học/Course Code: BLAW6205

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Luật tố tụng dân sự

Mô tả tóm tắt/Course description: Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế 1 là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Luật Kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh dành cho sinh viên năm thứ hai. Môn học được thiết kế gồm 2 tín chỉ thực hành.

Từ việc tích lũy kết hợp kiến thức lý thuyết chương trình đào tạo của Luật kinh tế, mỗi sinh viên năm thứ 2 chọn doanh nghiệp, đơn vị phù hợp theo định hướng của giảng viên để tìm hiểu môi trường làm việc và ứng dụng các kiến thức đã học để thực hiện những công việc thực tế tại mỗi cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị nhận kiến tập. Môn học giúp người học tiếp cận thực tiễn, giúp người học nâng cao khả năng xử lý và thực hiện các công việc

trong thực tiễn bằng các kiến thức đã học. Môn học được tổ chức trong 12 tuần thực hành tại cơ quan, doanh nghiệp có liên quan đến lĩnh vực luật kinh tế. Sau đó, sinh viên viết bài thu hoạch thể hiện được những nội dung sau: Thông tin đơn vị nhận kiến tập, mô tả công việc thực hiện, đính kèm theo minh chứng (hồ sơ, tài liệu, thông tin đã được nghiên cứu). Từ kết quả của bài thu hoạch và ý kiến nhận xét của đơn vị nhận kiến tập, giảng viên phụ trách đánh giá kết quả kiến tập của sinh viên.

Môn học/Course Name: **Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế 2**

Mã môn học/Course Code: BLAW6206

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Luật tố tụng dân sự

Mô tả tóm tắt/Course description: Thực hành nghề nghiệp ngành Luật Kinh tế 2 là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương, kiến thức ngành, chuyên ngành. Từ việc tích lũy kết hợp kiến thức lý thuyết về một số ngành luật cơ bản trong chương trình đào tạo của ngành Luật, mỗi sinh viên năm thứ 3 được giảng viên tư vấn lựa chọn cơ quan, đơn vị phù hợp theo định hướng nghề nghiệp để tìm hiểu môi trường làm việc thực tiễn và ứng dụng các kiến thức đã học để thực hiện những công việc thực tế tại mỗi cơ quan, đơn vị tiếp nhận kiến tập. Qua đó, giúp người học tiếp cận thực tiễn, thực hành kỹ năng xử lý và thực hiện các công việc trong thực tiễn pháp lý bằng các kiến thức đã học.

Môn học/Course Name: **Luật môi trường**

Mã môn học/Course Code: BLAW6332

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật hành chính

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Môi trường là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này được xác lập nhằm giúp sinh viên có các kiến thức cốt lõi về Luật Môi trường Việt Nam và Luật quốc tế về Môi trường. Kiến thức trang bị làm cơ sở cho việc nghiên cứu, ứng dụng các quy định của Luật Môi trường vào thực tiễn cuộc sống, lao động, sản xuất, kinh doanh. Cụ thể, môn học này bao gồm những nội dung cơ bản sau: (i) Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; (ii) Pháp luật về sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn di sản; (iii) Các hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và (iv) Những kiến thức cơ bản về

vấn đề môi trường toàn cầu và những quyền lợi, trách nhiệm của Việt Nam đối với thế giới trong lĩnh vực môi trường.

Môn học/Course Name: **Luật đầu tư (tiếng Anh)**

Mã môn học/Course Code: BLAW5316

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Pháp luật về các loại hình thương nhân

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Đầu tư là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này có những nội dung chính sau: (i) Tổng quan về đầu tư và pháp luật đầu tư; (ii) Các biện pháp bảo đảm đầu tư và pháp luật đầu tư; (iii) Các hoạt động đầu tư kinh doanh; (iv) Thủ tục đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư và triển khai dự án đầu tư; (v) Hoạt động đầu tư ra nước ngoài và (vi) Đầu tư công và đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

Môn học/Course Name: **Luật Ngân hàng**

Mã môn học/Course Code: BLAW6208

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Pháp luật về các loại hình thương nhân

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Ngân hàng là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Những nội dung chính của môn học này bao gồm: Những vấn đề lý luận về ngân hàng và pháp luật ngân hàng; địa vị pháp lý của ngân hàng nhà nước; địa vị pháp lý của các tổ chức tín dụng; pháp luật về quản lý tiền tệ và ngoại hối; pháp luật về tín dụng và ngân hàng; pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán của các ngân hàng.

Môn học/Course Name: **Kỹ năng soạn thảo hợp đồng (Tiếng Anh)**

Mã môn học/Course Code: BLAW5326

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật dân sự 2; Pháp luật về hoạt động thương mại và giải quyết tranh chấp

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Kỹ năng soạn thảo hợp đồng là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này giới thiệu khái niệm hợp đồng, các hình thức của hợp đồng, các loại hợp đồng dân sự, thương mại phổ biến phát sinh trong thực tiễn. Tùy thuộc vào từng loại hợp đồng khác nhau, người học sẽ được giới thiệu cách

đặt tên cho mỗi hợp đồng, nhận diện được quyền và nghĩa vụ của các bên trong một hợp đồng cụ thể, các điều khoản cơ bản cần có của hợp đồng đó, cách thức trình bày các điều khoản đó và một số kỹ năng khi soạn thảo một hợp đồng cụ thể nào đó.

Môn học/Course Name: **Luật kinh doanh bảo hiểm**

Mã môn học/Course Code: BLAW6209

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Pháp luật về các loại hình thương nhân; Pháp luật về hoạt động thương mại

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Kinh doanh bảo hiểm là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản về những nội dung như: (i) Những quy định chung pháp luật về kinh doanh bảo hiểm: chủ thể trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, điều kiện kinh doanh bảo hiểm, nguyên tắc hoạt động kinh doanh bảo hiểm, phương thức giải quyết tranh chấp trong hợp đồng kinh doanh bảo hiểm,...; (ii) Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm con người; (iii) Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tài sản; (iv) Pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm dân sự; (v) Quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Môn học/Course Name: **Luật kinh doanh bất động sản**

Mã môn học/Course Code: BLAW6333

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật dân sự 1, Luật dân sự 2


Môn học tiên quyết: Luật Đất đai

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Kinh doanh bất động sản là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này cung cấp các kiến thức tổng quát về cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, bao gồm kinh doanh các loại bất động sản có sẵn, bất động sản hình thành trong tương lai, và những dịch vụ liên quan đến bất động sản, như: môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản, sàn giao dịch bất động sản.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về xuất nhập khẩu**

Mã môn học/Course Code: BLAW6210

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Pháp luật về hoạt động thương mại 

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật về xuất nhập khẩu là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này có các nội dung chính sau: (i) Quản lý nhà nước về xuất nhập khẩu; (ii) Hệ thống thủ tục hải quan; (iii) Các biện pháp hành chính trong xuất nhập khẩu; (iv) Tính chấp pháp lý của một số chứng từ cơ bản và (v) Thanh toán và giao nhận trong xuất nhập khẩu.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán**

Mã môn học/Course Code: BLAW6211

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Pháp luật về các loại hình thương nhân

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này bao gồm các nội dung cơ bản sau: (i) Những vấn đề lý luận cơ bản của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; (ii) Địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia vào thị trường chứng khoán; (iii) Pháp luật về chào bán chứng khoán; (iv) Pháp luật về hoạt động giao dịch trên thị trường chứng khoán và (v) Quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Môn học/Course Name: **Luật thương mại điện tử**

Mã môn học/Course Code: BLAW6212

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Pháp luật về hoạt động thương mại

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Thương mại điện tử là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này giới thiệu khái quát về pháp luật thương mại điện tử, hợp đồng thương mại điện tử, pháp luật điều chỉnh của website thương mại điện tử, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng**

Mã môn học/Course Code: BLAW6345

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật Tố tụng dân sự; Luật Tố tụng hình sự; Luật hành chính

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học



này hướng tới nghiên cứu nghề nghiệp luật sư và các kỹ năng cần thiết khi hành nghề luật. Nội dung môn học bao gồm các vấn đề chủ yếu như Pháp luật về Luật sư, Kỹ năng tư vấn pháp luật của Luật sư và Kỹ năng tranh tụng của Luật sư.

Môn học/Course Name: **Pháp luật cộng đồng ASEAN**

Mã môn học/Course Code: GLAW6305

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật cộng đồng ASEAN là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và các kiến thức pháp lý chuyên ngành về ASEAN, Cộng đồng ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN. Cụ thể, nội dung của môn học gồm 5 vấn đề chính như sau: (i) Khái quát về pháp luật Cộng đồng ASEAN; (ii) Pháp luật cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN; (iii) Pháp luật cộng đồng kinh tế ASEAN; (iv) Pháp luật cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN; (v) Các vấn đề pháp lý cơ bản về hợp tác ngoại khối, cơ chế giải quyết tranh chấp và thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam.

Môn học/Course Name: **Luật ngân sách nhà nước**

Mã môn học/Course Code: BLAW6213

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Luật Hành chính

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Ngân sách nhà nước là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành, giúp sinh viên cách nhận diện, phân tích, lập luận, đánh giá, giải quyết các vấn đề từ lý thuyết đến thực tiễn pháp lý của ngân sách nhà nước. Môn học này sẽ trình bày các nội dung chính như Tổng quan về ngân sách nhà nước, Chế độ pháp lý về quản lý ngân sách nhà nước, Quy trình ngân sách nhà nước và Quản lý và xử lý vi phạm về ngân sách nhà nước.

Môn học/Course Name: **Luật tố tụng hành chính**

Mã môn học/Course Code: BLAW6226

Số tín chỉ/Credits: 2

Môn học trước: Luật Hành chính *mm*

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học giới thiệu về các loại khiếu kiện hành chính, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong tố tụng hành chính và quy trình giải quyết một khiếu kiện hành chính.

Môn Luật tố tụng hành chính gồm có các nội dung như sau:

- Khái quát về Luật tố tụng hành chính Việt Nam
- Thẩm quyền giải quyết khiếu kiện hành chính của Tòa án nhân dân
- Chủ thể của tố tụng hành chính
- Chứng minh, chứng cứ và các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính
- Khởi kiện và thụ lý vụ án hành chính
- Xét xử sơ thẩm vụ án hành chính
- Phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm vụ án hành chính


Môn học/Course Name: **Luật học so sánh**

Mã môn học/Course Code: BLAW6214

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật học so sánh là môn học tự chọn trong khối kiến thức bổ trợ. Môn học này giúp sinh viên nhận biết được các hiện tượng pháp luật, xử lý các thông tin, phân tích, lập luận, đánh giá, giải quyết các vấn đề, xây dựng cơ sở phương pháp luận để nghiên cứu những quy luật xâm nhập pháp luật nước ngoài vào pháp luật quốc gia và tiếp thu giá trị pháp lý, những quy tắc pháp luật giữa các hệ thống pháp luật thế giới. Trên cơ sở này, sinh viên có thể đưa ra các dự báo pháp luật, định hướng và hoàn thiện hơn trong lập pháp; áp dụng xây dựng pháp luật quốc gia trong từng trường hợp, từng giai đoạn phát triển của xã hội; hoàn thiện pháp luật quốc gia trong các lĩnh vực pháp luật; nâng cao nhận thức xã hội trong việc tuân thủ pháp luật (trong quan hệ trong nước và trong quan hệ quốc tế). Môn học này được trình bày với các nội dung chính như sau: (i) Tổng quan về Luật học so sánh; (2) Các hệ thống pháp luật chủ yếu trên thế giới; (3) Hệ thống pháp luật Dân luật (civil law); (iv) Hệ thống pháp luật Thông luật (Common law); (v) Hệ thống pháp luật XHCN; (vi) Hệ thống pháp luật tôn giáo (hồi giáo).

Môn học/Course Name: **Lịch sử nhà nước và pháp luật** 

Mã môn học/Course Code: BLAW6316

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Lịch sử nhà nước và pháp luật là môn học tự chọn trong khối kiến thức bổ trợ. Môn học này cung cấp những kiến thức nền tảng, cơ bản về nhà nước và pháp luật điển hình trên thế giới (từ thời kỳ chiếm hữu nô lệ cho đến giai đoạn xã hội chủ nghĩa) và nhà nước và pháp luật Việt Nam (từ khi mới hình thành cho đến phong kiến Việt Nam giai đoạn độc lập, tự chủ). Môn học này bao gồm hai nội dung cơ bản là (i) Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới và (ii) Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam.

Môn học/Course Name: **Nguyên lý kế toán**

Mã môn học/Course Code: ACCO6329

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học trang bị nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán để sinh viên đọc và hiểu được thông tin kế toán và mô tả được qui trình kế toán trong một doanh nghiệp, phục vụ cho việc ra các quyết định về quản lý, tài chính. Ngoài ra, môn học còn trang bị một số kỹ thuật của kế toán như tài khoản, ghi sổ kép, tính giá, ... để thực hành nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp thương mại và doanh nghiệp sản xuất.

Môn học/Course Name: **Quản trị học**

Mã số môn học/Course Code: BADM6349

Số tín chỉ/Credits: 3


Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Quản trị học là môn học nền tảng của ngành Quản trị kinh doanh, sẽ được học đầu tiên trong chương trình, giúp sinh viên có các kiến thức cốt lõi về quản trị. Trên cơ sở nền tảng của quản trị học, sinh viên sẽ học các môn học như: Quản trị marketing, Quản trị dự án, Quản trị chiến lược, và rất nhiều các môn học ngành và chuyên ngành khác.

Môn học/Course Name: **Nguyên lý kế toán (tiếng Anh)**

Mã môn học/Course Code: ACCO5336

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không 

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học trang bị nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán để sinh viên đọc và hiểu được thông tin kế toán và mô tả được qui trình kế toán trong một doanh nghiệp, phục vụ cho việc ra các quyết định về quản lý, tài chính. Ngoài ra, môn học còn trang bị một số kỹ thuật của kế toán như tài khoản, ghi sổ kép, tính giá, ... để thực hành nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp thương mại và doanh nghiệp sản xuất.

Môn học/Course Name: **Quản trị học (tiếng Anh)**

Mã môn học/Course Code: BADM5346

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Quản trị học là môn học nền tảng của ngành Quản trị kinh doanh, sẽ được học đầu tiên trong chương trình, giúp sinh viên có các kiến thức cốt lõi về quản trị. Trên cơ sở nền tảng của quản trị học, sinh viên sẽ học các môn học như: Quản trị marketing, Quản trị dự án, Quản trị chiến lược, và rất nhiều các môn học ngành và chuyên ngành khác.

Môn học/Course Name: **Marketing căn bản**

Mã số môn học/Course Code: BADM6346

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này trang bị những kiến thức căn bản về Marketing, nên chủ yếu là giới thiệu các khái niệm trong khoa học marketing để sinh viên có kiến thức nền từ đó học tiếp môn Quản trị marketing, marketing dịch vụ, nghiên cứu marketing.... Để học tốt môn này, sinh viên nên học trước môn Kinh tế vi mô và trang bị những kiến thức tổng quát về kinh tế- xã hội.

Môn học/Course Name: **Hành vi tổ chức**

Mã số môn học/Course Code: BADM6342

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học mô tả những mối liên hệ giữa các hành vi trong tổ chức với công việc của nhà quản lý. Từ đó giúp học viên có thể hiểu được những yếu tố ảnh hưởng đến sự nhận thức của các cá nhân trong tổ chức, giá trị và sự hài lòng của

*MW*

người lao động. Học viên cũng sẽ biết cần phải tổ chức như thế nào để quá trình truyền thông trong tổ chức đạt được hiệu quả.

Môn học/Course Name: **Kinh tế xây dựng**

Mã môn học/Course Code: CENG6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không yêu cầu

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này sẽ cung cấp cho học viên các kiến thức nền tảng cơ bản về về việc so sánh, đánh giá phương án kinh tế kỹ thuật ứng dụng trong ngành xây dựng.

Môn học/Course Name: **Giới và phát triển**

Mã môn học/Course Code: SWOR6303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Xã hội học đại cương

Mô tả tóm tắt/Course description: Giúp sinh viên có những hiểu biết về giới một cách khoa học và có hệ thống. Sau môn học, sinh viên có thể vận dụng những lý luận cơ bản về Giới và Phát triển để phân tích các vấn đề: giới trong lao động – nghề nghiệp, trong giáo dục, y tế, văn hoá, chính sách xã hội,... Môn học cho thấy vai trò giới trong sự phát triển của xã hội Việt Nam. Môn học cũng đưa ra cách thức lồng ghép Giới trong các chương trình, dự án phát triển nhằm giúp sinh viên có thể tự tham gia hay thực hiện các chương trình phát triển cộng đồng ở Việt Nam.

Môn học/Course Name: **Quan hệ công chúng**

Mã số môn học/Course Code: BADM6348

Số tín chỉ: 3


Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Quan hệ công chúng nghiên cứu cách tạo dựng và duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa doanh nghiệp với các nhóm công chúng như: khách hàng, nhân viên, các chủ đầu tư, đối tác, giới báo chí, chính phủ và cộng đồng.

Môn học/Course Name: **Giao tiếp liên văn hoá**

Mã môn học/Course Code: SEAS6304

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không 

Mô tả tóm tắt/Course description: Trong bối cảnh toàn cầu hóa với việc gia tăng sự tiếp xúc của cư dân thuộc các nền văn hóa, các quốc gia khác nhau, sinh viên cần được trang bị các kiến thức nền tảng về văn hóa cũng như nhận diện được những ảnh hưởng của văn hóa đến quá trình giao tiếp. Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về văn hóa, mối quan hệ giữa các yếu tố ngôn ngữ, văn hóa, giao tiếp,... cũng như những ảnh hưởng của văn hóa đến giao tiếp của những người đến từ các nền văn hóa khác nhau. Qua môn học, sinh viên sẽ hình thành được thái độ tôn trọng sự đa dạng và khác biệt về văn hóa để có thể có cách thức giao tiếp phù hợp trong bối cảnh đa văn hóa của thời kỳ hội nhập.

Môn học/Course Name: **Phát triển sản phẩm CNSH**

Mã môn học/Course Code: BIOT6202

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Phát triển sản phẩm công nghệ sinh học là môn học thuộc kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế chất lượng cao. Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến việc thiết kế và phát triển các sản phẩm CNSH. Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến việc thiết kế và phát triển các sản phẩm CNSH theo nhu cầu thị trường. Các nội dung trình bày mang tính hệ thống, dưới góc độ quản lý như một dự án đa chức năng. Môn học có liên quan chặt chẽ đến những kiến thức về công nghệ, quản lý chất lượng sản phẩm, Marketing, quản trị dự án, quản trị thương hiệu, nghiên cứu thị trường, ... Môn học có ý nghĩa thực tiễn cao, nó đòi hỏi sự kết hợp và vận dụng kiến thức, các nguyên lý để phân tích và giải quyết các tình huống cụ thể của sản xuất và thị trường.

Môn học/Course Name: **Quản lý môi trường**

Mã môn học/Course Code: BIOT6214

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát về các công cụ được sử dụng để quản lý môi trường, giúp sinh viên nắm được hình thức quản lý môi trường ở Việt Nam, cũng như Luật bảo vệ môi trường của Việt Nam. Thông qua môn học, sinh viên có được những khái niệm cơ bản trong lĩnh vực quản

lý môi trường cụ thể như chỉ số môi trường, tiêu chuẩn môi trường, quan trắc môi trường. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp những kiến thức tổng quan về môi trường giúp sinh viên có được định hướng tốt sau khi ra trường mình sẽ làm trong lĩnh vực nào của môi trường.

Môn học/Course Name: **Dinh dưỡng người**

Mã môn học/Course Code: BIOT6204

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là môn học nền tảng cung cấp kiến thức cho sinh viên giai đoạn chuyên ngành sau khi đã nắm vững các kiến thức đại cương, giúp sinh viên có kiến thức về dinh dưỡng và sức khỏe. Đồng thời áp dụng kiến thức trong việc xác định cấu trúc cơ thể và nhu cầu dinh dưỡng, xác lập mối quan hệ tương hỗ giữa các thành phần dinh dưỡng cùng tính cân đối về giá trị dinh dưỡng và năng lượng khẩu phần.

Môn học/Course Name: **Thương mại điện tử**

Mã số môn học/Course Code: BADM6303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là môn học cần thiết cho sinh viên nhóm ngành Quản Trị Kinh Doanh. Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức liên quan đến phương thức kinh doanh trong thời đại công nghệ, tình hình phát triển thương mại điện tử hiện nay, các mô hình thương mại điện tử, hoạt động marketing, thanh toán trực tuyến và các vấn đề bảo an trong thương mại điện tử.

Môn học/Course Name: **Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)**

Mã môn học/Course Code: ACCO6325

Số tín chỉ/Course Code: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ thống thông tin doanh nghiệp hướng tích hợp trên môi trường ERP bao gồm quy trình kinh doanh, hoạch định trong tổ chức, dòng số liệu kế toán trên hệ thống và kiểm soát hệ thống. Môn học giới thiệu các khái niệm, thuật ngữ cơ bản và giải thích cho

người học những tác động của việc ứng dụng hệ thống ERP vào tổ chức. Bên cạnh đó, người học được tiếp cận với giải pháp ERP cụ thể.

Môn học/Course Name: **Tài chính cá nhân**

Mã môn học/Course Code: FINA6329

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về việc lập kế hoạch tài chính cá nhân, quản lý tiền tệ và các dịch vụ ngân hàng, quản lý tín dụng tiêu dùng và bảo hiểm nhân thọ. Ngoài ra, nó còn trang bị kiến thức cơ bản cho sinh viên về đầu tư tài sản tài chính, thị trường tài chính, cách nghiên cứu môi trường đầu tư, xem xét hai khía cạnh cơ bản trong đầu tư là lợi nhuận và rủi ro cũng như khả năng kiểm soát và hoạch định tương lai tài chính của từng cá nhân.

Môn học/Course Name: **Thuế và hoạt động kinh doanh**

Mã môn học/Course Code: FINA6332

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:


Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Thuế là một môn học được xây dựng cho sinh viên thuộc các chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng, Kế toán – Kiểm toán và Kinh tế - Luật. Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức và nền tảng lý luận về mối quan hệ và sự ảnh hưởng của các loại thuế đến hoạt động của doanh nghiệp. Môn học này sẽ bao quát các chủ đề sau: Tổng quan về thuế, sau đó đi sâu vào các loại thuế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp bao gồm thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập, thuế sử dụng đất, thuế tài nguyên. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên thông tin về Luật Quản lý thuế và những định hướng cải cách thuế.

Môn học/Course Name: **Khởi nghiệp**

Mã môn học/Course Code: BADM6344

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về quá trình khởi tạo doanh nghiệp mới trong nền kinh tế thị trường. Môn học trình bày những nội 



dung cốt lõi như: Tổng quan về khởi nghiệp, quá trình sáng tạo và phát sinh ý tưởng kinh doanh, đánh giá cơ hội của đề án kinh doanh trên thị trường, vấn đề pháp luật trong khởi nghiệp, kế hoạch khởi nghiệp và chiến lược phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn đầu của quá trình hình thành và phát triển.

Môn học/Course Name: **Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp**

Mã môn học/Course Code: BADM5307

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết/Pre-requisites: không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trở nên có vai trò rất quan trọng trong việc trang bị cho học viên những kiến thức về trách nhiệm của doanh nghiệp với tất cả các bên liên quan trong môi trường hội nhập toàn cầu. Thứ nhất là giúp học viên phân tích được sự khác biệt giữa đạo đức trong kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Thứ hai giúp cho học viên xác định được những trách nhiệm của doanh nghiệp đối với người lao động, với khách hàng, với cộng đồng xung quanh, với môi trường, với chính phủ của quốc gia chủ nhà và cả tuân thủ theo chính sách của nước sở tại. Cơ bản, môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết về trách nhiệm của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh ở môi trường hội nhập toàn cầu.

Môn học/Course Name: **Thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh**

Mã môn học/Course Code: BLAW5327

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description:

Trong chương trình đào tạo cử nhân Luật Kinh tế (Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh), môn Thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh là một môn học tự chọn. Môn học này cung cấp kiến thức bổ trợ thuộc khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, chuyên ngành Luật Kinh tế. Môn học này được tổ chức giảng dạy trong 9 tuần học (5 tiết/buổi học/tuần học) theo phương thức trực tiếp. Ngoài ra, người học phải có 105 giờ tự học để đáp ứng được chuẩn đầu ra của môn học.

Môn Thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh cung cấp cho người học những thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh nền tảng, phổ biến và quan trọng của 9 ngành luật trụ cột trong hệ thống Pháp

luật Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Cụ thể, người học sẽ lĩnh hội được các thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh thuộc (i) Ngành luật Hiến pháp, (ii) Hành chính, (iii) Dân sự, Hôn nhân & gia đình, (iv) Hình sự, (v) Tố tụng Hình sự, (vi) Thương mại, Cạnh tranh, (vii) Đất đai - Môi trường, (viii) Sở hữu trí tuệ và (ix) Luật Quốc tế.

Người học sẽ có cơ hội tiếp thu những thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh trong mỗi ngành luật dưới dạng 4 kỹ năng ngôn ngữ Nghe (listening), Nói (Speaking), Đọc (Reading) và Viết (Writing). Bên cạnh đó, nội hàm của mỗi thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh sẽ được trình bày và giải thích rõ ràng; những tình huống thực tế cho việc ứng dụng các thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh này cũng sẽ được nêu ra để người học có thể lĩnh hội và sử dụng được các thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh này một cách chính xác, sâu sắc và hiệu quả.

Sau khi hoàn thành môn học này, người học có kiến thức vững vàng về các thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh của các ngành luật trụ cột trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Người học hoàn toàn có khả năng sử dụng các thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh phổ biến trong mỗi ngành luật một cách chính xác và tự tin trong soạn thảo hợp đồng và các môi trường pháp lý chuyên nghiệp. Người học còn có khả năng tự học, tự nghiên cứu những kiến thức chuyên sâu hơn về thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh nói riêng và Tiếng Anh pháp lý nói chung. Ngoài ra, người học có khả năng tư duy hệ thống, phản biện, tổ chức thực hiện công việc trong lĩnh vực pháp lý Tiếng Anh.

Môn học/Course Name: **Thực tập tốt nghiệp**

Mã môn học/Course Code: BLAW6401

Số tín chỉ/Credits: 4

Môn học trước: Học hết các môn học bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế chất lượng cao.

Mô tả tóm tắt/Course description: Thực tập tốt nghiệp là môn học tổ chức vào những học kỳ cuối sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương và những kiến thức chuyên sâu về ngành, chuyên ngành và các kiến thức bổ trợ khác. Đối với môn học này, sinh viên sẽ đến thực tập tại các doanh nghiệp, cơ quan tổ chức có sử dụng kiến thức chuyên ngành luật để quan sát, làm quen và thực hành những kiến thức đã học vào thực tiễn. Kết thúc khóa thực tập, sinh viên sẽ hoàn thiện một chuyên đề thực tập tốt nghiệp. Chuyên đề phải thể hiện được năng lực của sinh viên trong việc hình thành ý

tương, cách tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề trong thực tiễn của các tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan tổ chức.

Môn học/Course Name: **Khóa luận tốt nghiệp**

Mã môn học/Course Code: BLAW6601

Số tín chỉ/Credits: 6

Môn học trước: Thực tập tốt nghiệp

Mô tả tóm tắt/Course description: Khóa luận tốt nghiệp là môn học tổ chức vào học kỳ cuối sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương và những kiến thức chuyên sâu về ngành, chuyên ngành và các kiến thức bổ trợ khác.

Sau khi thực tập tốt nghiệp, nếu đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên sẽ được hướng dẫn thực hiện Khóa luận tốt nghiệp trong một thời gian nhất định. Việc thực hiện Khóa luận tốt nghiệp nhằm mục đích giúp sinh viên hình thành và phát triển ý tưởng nghiên cứu, kỹ năng nghiên cứu về những vấn đề lý luận, quy định pháp luật và thực tiễn đặt ra đối với những vấn đề đó. Nếu không đủ điều kiện để làm Khóa luận tốt nghiệp hoặc theo nguyện vọng của sinh viên, sinh viên được đăng ký học các môn tự chọn từ kiến thức ngành tự chọn, kiến thức chuyên ngành tự chọn để đảm bảo đủ khối lượng tối thiểu 06 tín chỉ tích lũy theo quy định của Trường.